

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2024/DS-ST
Ngày: 29-8-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
(đường đi)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hòa Ân.

2. Ông Hồ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 402/2023/TLST-DS ngày 06/10/2023 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất là đường đi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-DS ngày 26/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1960; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1983; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1957; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (vợ ông T).

2. Ông Trần Vũ P, sinh năm 1980; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (con ông T).

3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1987; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (con ông T).

4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1990; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (con ông T).

5. Bà Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1982; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (con dâu ông T, vợ ông P).

6. Bà Dương Thị Cẩm T2, sinh năm 1987; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (con dâu ông T, vợ ông Đ).

7. UBND huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

8. UBND xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông Trần Văn T có mặt. Bị đơn ông Nguyễn Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B, ông Trần Vũ P, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Ngọc Đ1, bà Dương Thị Cẩm T2, UBND huyện D và UBND xã T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:*

Ông T với ông H có quan hệ là bà con rất xa, theo vai vế thì ông H kêu ông T bằng ông và hiện đang sinh sống cùng xóm ấp với nhau. Ông T sinh sống tại địa phương ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương từ khi sinh ra cho đến nay. Hiện tại gia đình ông T gồm các thành viên đang sinh sống tại địa chỉ trên gồm: Ông T, vợ tên Phạm Thị B, con trai tên Trần Vũ P, Trần Văn T1, Trần Văn Đ, con dâu tên Nguyễn Ngọc Đ1, Dương Thị Cẩm T2.

Ông T sử dụng đất và được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01278 QSDĐ ngày 23/12/1997 do UBND huyện B (nay là huyện D) cấp đứng tên hộ ông Trần Văn T với tổng diện tích đất 33.304 m² thuộc nhiều thửa đất khác nhau cùng tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Con đường tranh chấp này được hình thành từ trước khi giải phóng đất nước cho đến nay, con đường có thể hiện trên bản đồ địa chính do Nhà nước quản lý. Con đường tranh chấp hiện nay được xác định nằm giữa 02 thửa đất của ông H và thửa đất của ông Nguyễn Văn T3 bằng hàng rào dây kẽm gai. Trước đây việc sử dụng con đường đi không phát sinh tranh chấp gì với ai nhưng khoảng năm 2022, khi có chủ trương làm đường giao thông nông thôn thì gia đình ông T có xin phép chính quyền địa phương làm đường bê tông nhựa thì phía ông H xác định đường đi là đất của ông H nên không đồng ý để địa phương làm đường bê tông nhựa.

Tuy con đường tranh chấp hiện nay ông H vẫn để cho gia đình ông T đi lại nhưng mỗi khi gia đình ông T dọn vệ sinh đốt rác hay những lúc ông H không vui thì bị ông H chửi bới và ông H xác định là quyền sử dụng đất của ông H, địa phương nhiều lần giải quyết nhưng vẫn không thành.

Ngoài con đường tranh chấp thì gia đình ông T không còn đường đi nào khác để vào nhà. Ông T xác định phần con đường tranh chấp hiện nay có diện tích 143,7 m² thể hiện theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý (tranh chấp) số 01 - 2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D. Con đường tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T và cũng không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H mà nằm phía bên ngoài thuộc đường giao thông nông thôn để đi vào đất của ông T và cặp giáp ranh với đất của ông H.

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông H trả lại con đường đi có diện tích 165 m². Tại phiên tòa, ông T xác định chỉ yêu cầu trả lại phần diện tích đo đạc thực tế là 143,7 m² và xin rút một phần yêu cầu đối với diện tích 21,3 m².

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông T thống nhất và yêu cầu Tòa án sử dụng các kết quả sau làm căn cứ giải quyết vụ án: Biên bản đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2023 do Tòa án lập; Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý (tranh chấp) số 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D; Biên bản định giá ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự.

- *Chứng cứ nguyên đơn ông Trần Văn T cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 11/9/2023 của ông Trần Văn T (bản gốc); Căn cước công dân của nguyên đơn ông T (bản sao); Thủ tục hòa giải cơ sở của UBND xã T; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại ngày 11/9/2023 của ông T (bản gốc); Đơn yêu cầu hỗ trợ giao chứng cứ ngày 11/9/2023 của ông T (bản gốc); Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 11/9/2023 của ông T (bản gốc); Bản tự khai của ngày 11/9/2023 của ông T (bản gốc); Hồ sơ cấp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 01278 QSDĐ ngày 23/12/1997 do UBND huyện B (nay là huyện D) cấp đứng tên hộ ông Trần Văn T (bản sao); Biên bản lấy lời khai đương sự ông T ngày 31/10/2023 và ngày 11/3/2024.

*** *Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:***

Theo biên bản lấy lời khai đối với ông H ngày 31/10/2023: Ông H với ông T có cùng nơi cư trú thuộc ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; ông H với ông T không có bà con dòng họ gì mà chỉ là chòm xóm với nhau. Ông H sinh sống tại địa phương ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương từ khi sinh ra cho đến nay.

Ông H sử dụng đất và được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số vào sổ cấp giấy là CH 01568 ngày 29/7/2013 đứng tên ông Nguyễn Minh H với tổng diện tích đất 632 m² thuộc thửa đất số B, tờ bản đồ số C, tọa

lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, nguồn gốc đất được cha mẹ tặng cho lại.

Ông H xác định mặc dù phần con đường tranh chấp nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy là CH 01568 ngày 29/7/2013 đứng tên ông Nguyễn Minh H (nằm giáp với thửa đất số B của ông H), tuy nhiên con đường này trước đây theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị T4 (mẹ của ông H) là nằm trong giấy chứng nhận.

Ông H xác định ngoài còn đường tranh chấp dùng để đi vào phần đất của gia đình ông T thì không còn con đường đi nào khác vì đây là đường cùng. Con đường này hình thành từ khi Nhà nước làm bờ kinh thủy lợi (rất lâu không nhớ thời gian) cho đến nay. Con đường có thể hiện trên bản đồ địa chính. Do con đường có tranh chấp nên con đường này chưa được Nhà nước lán nhựa, hai bên con đường phía nhà ông H thì ông H có cắm trụ bê tông và dây kẽm gai để cản trâu bò, phía phần đất của ông T3 đã được dựng hàng rào; hiện ông H vẫn cho gia đình ông T đi tạm trên con đường này.

- *Chứng cứ bị đơn ông H cung cấp:* Căn cước công dân của ông H (bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 620802, số vào sổ cấp GCN: CH 01568 ngày 29/7/2013 do UBND huyện D cấp đứng tên ông Nguyễn Minh H (bản sao); Biên bản lấy lời khai đương sự ông H ngày 31/10/2023.

*** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2 trình bày:**

Theo các Bản tự khai ngày 11/3/2024 và các Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/3/2024: Bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2 thống nhất toàn bộ với ý kiến của ông T, không trình bày bổ sung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2 cung cấp:* Các bản tự khai ngày 11/3/2024 và các đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 20/3/2024 (bản gốc).

*** Quá trình tiến hành tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện D trình bày:**

Tại Công văn số 1C2/UBND-BTCD ngày 18/6/2024 của UBND huyện D và Công văn số 416/PTNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 620802, số vào sổ cấp GCN: CH 01568 ngày 29/7/2013 do UBND huyện D cấp đứng tên ông Nguyễn Minh H được cấp theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 11, 12, 13 của Nghị Định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Minh H. Thửa đất số B tờ bản đồ

số C được cấp theo Bản trích đo bản đồ địa chính lập ngày 14/5/2013, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện việc ký liên ranh.

2. Theo Công văn số 1035/CNVNĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 25/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D cho thấy: Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý (tranh chấp) số 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D thể hiện diện tích 143,7 m² (trong đó có 29,8 m² thuộc HLATĐB và 7,9 m² HLK) thuộc đường giao thông nông thôn trên bản đồ địa chính năm 2017.

3. UBND huyện D đồng ý tham gia tố tụng nhưng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện D cung cấp:* Công văn số 1C2/UBND-BTCD ngày 18/6/2024 của UBND huyện D; Công văn số 446/PTNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D.

*** Quá trình tiến hành tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T, huyện D có ý kiến:**

Theo Công văn số 259/UBND-ĐC ngày 26/6/2024 của UBND xã T xác định:

1. Việc xác định đường giao thông nông thôn giữa hai thửa đất số A và thửa số B, tờ bản đồ số C tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương là phần đất thuộc đường giao thông nông thôn đã được UBND huyện phân cấp cho xã quản lý, thuộc tuyến nhánh số 10 của tuyến đường T 32 (Đường T 32.10), đoạn từ nhà ông T5 đến nhà ông Út K theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện D.

2. UBND xã T, huyện D đồng ý tham gia tố tụng nhưng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã T cung cấp:* Công văn số 259/UBND-ĐC ngày 26/6/2024 của UBND xã T.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

- Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2, UBND huyện D và UBND xã T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp quyền sử dụng đất (đường đi)”.
- Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục.
- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2, UBND huyện D và UBND xã T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, ông P, ông T1, ông Đ, bà Đ1, bà T2, UBND huyện D và UBND xã T theo quy định.

[2] Ông T khởi kiện ông H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là đường đi, xét thấy tài sản các bên tranh chấp là quyền sử dụng đất, liên quan bất động sản tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, C, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp quyền sử dụng đất là đường đi”. Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, ông T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông H trả lại con đường đi có diện tích 165 m². Tại phiên tòa, ông T xác định chỉ yêu cầu trả lại phần diện tích đo đạc thực tế là 143,7 m² và xin rút một phần yêu cầu đối với diện tích 21,3 m². Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 5, 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quá trình tố tụng, phía nguyên đơn ông T thống nhất và yêu cầu Tòa án sử dụng các kết quả sau làm căn cứ giải quyết vụ án: Biên bản đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/11/2023 do Tòa án lập; Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D; Biên bản định giá ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự. Phía bị đơn ông H không hợp tác, không tham gia tố tụng nên không có ý kiến. Theo đó, diện tích đất tranh chấp là 143,7 m² (trong đó có 29,8 m² thuộc HLATĐB và 7,9 m² HLK) thuộc đường giao thông nông thôn trên bản đồ địa chính năm 2017, phần đất có trị giá là 215.550.000 đồng (*tương đương 1.500.000 đồng/m²*).

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T: Ông T yêu cầu ông H trả lại con đường đi chung có diện tích là 143,7 m² (trong đó có 29,8 m² thuộc HLATĐB và 7,9 m² HLK) thuộc đường giao thông nông thôn trên bản đồ địa chính năm 2017 theo kết quả đo đạc thực tế tại Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số: 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D.

- Theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý (tranh chấp) số: 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D; Công văn số 416/PTNMT-QLĐĐ ngày 02/7/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện D và Công văn số 259/UBND-ĐC ngày 26/6/2024 của UBND xã T đều xác định đường giao thông nông thôn giữa hai thửa đất số A và thửa số B, tờ bản đồ số C tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương là phần đất thuộc đường giao thông nông thôn đã được UBND huyện phân cấp cho xã quản lý, thuộc tuyến nhánh số 10 của tuyến đường T 32 (Đường T 32.10), đoạn từ nhà ông T5 đến nhà ông Út K theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện D. Con đường tranh chấp không nằm trong thửa số B, tờ bản đồ số C tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương được cấp quyền sử dụng cho ông H.

- Quá trình tố tụng, các bên đương sự đều thống nhất xác định, con đường tranh chấp được người dân sử dụng từ xưa đến nay. Tuy nhiên, theo ông H thì con đường tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ông H nhưng ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Như vậy, có căn cứ xác định diện tích 143,7 m² (trong đó có 29,8 m² thuộc HLATĐB và 7,9 m² HLK) thuộc đường giao thông nông thôn trên bản đồ địa chính năm 2017 và thuộc tuyến nhánh số 10 của tuyến đường T 32 (Đường T 32.10), đoạn từ nhà ông T5 đến nhà ông Út K theo Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 22/3/2024 của UBND huyện D, không thuộc quyền sử dụng đất của ông H như các văn bản của cơ quan Nhà nước quản lý về đất đai nói trên. Ông H có hành vi ngăn cản không cho gia đình ông T đi lại là trái quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết đối với vụ án là phù hợp pháp luật.

[7] Chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng giải quyết vụ án là 1.778.124 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*), cụ thể: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tài sản tranh chấp là 678.124 đồng (*sáu trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*) và chi phí định giá tài sản tranh chấp là 1.100.000 đồng (*một triệu một trăm nghìn đồng*). Ông H phải chịu toàn bộ chi phí, do ông T đã nộp xong nên ông H phải nộp 1.778.124 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*) để hoàn trả lại cho ông T theo đúng quy định.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, C, 39, 147, 217, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 12, 166, 170, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T đối với ông Nguyễn Minh H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là đường đi.

Buộc ông Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm giao trả lại và không được có hành vi ngăn cản việc sử dụng diện tích 143,7 m² (trong đó có 29,8 m² thuộc HLATĐB và 7,9 m² HLK) thuộc đường giao thông nông thôn trên bản đồ địa chính năm 2017 theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chính lý (tranh chấp) số: 01-2024 ngày 11/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện D mà để sử dụng làm đường đi chung theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh H phải chịu toàn bộ chi phí là 1.778.124 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*), do ông T đã nộp tạm ứng xong nên ông H phải nộp 1.778.124 đồng (*một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng*) để hoàn trả lại cho ông T theo đúng quy định.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.777.500 đồng (*mười triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

4. Quyền kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 29/8/2024).

4.2. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

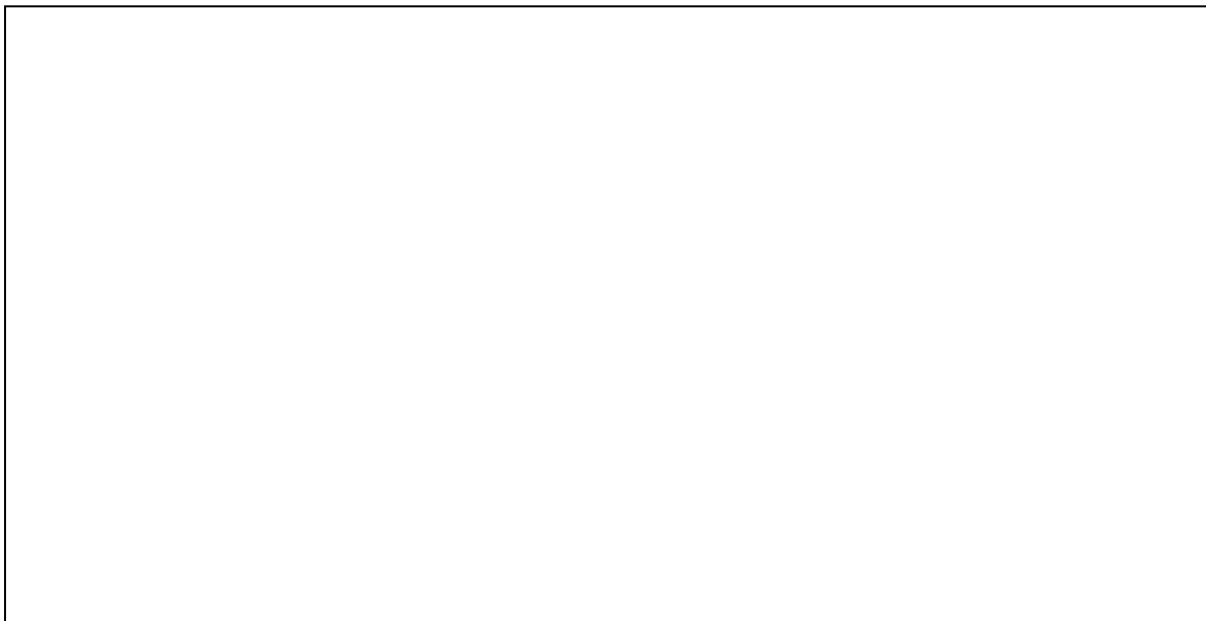
**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SƠ ĐỒ BẢN VẼ KÈM THEO BẢN ÁN
Bản án số: 125/2024/DS-ST, ngày 29/8/2024



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng